

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST

Ngày 16/12/2020.

Về việc: “*Ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM

Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Linh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: **Lê Thị Sáu**.

2. Bà: **Phan Thị Hà**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Ka Hít** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà**-Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 159/2020/TLHNGĐ-ST ngày 01/10/2020 về việc “*Ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/11/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn 8, xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Có đơn đề nghị vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1970; Thôn 8, xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/8/2020, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông T kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc An, huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 22/02/1990 (Nay là huyện Bảo Lâm). Do kết hôn với nhau không có tình yêu nên khi về chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay, mặc dù chung sống một nhà không ai quan tâm đến ai nữa, nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông T.

* Về con chung: Bà D trình bày vợ chồng có 02 con chung gồm chị Nguyễn Thị Phương Thảo, sinh ngày 1990 và anh Nguyễn T Đạt, sinh năm 1997. Các con đã

trưởng T, không bị mất hay hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu giải quyết.

* Về tài sản chung: Bà D trình bày vợ chồng tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Bà D trình bày vợ chồng không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông T trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà D có tìm hiểu yêu nhau được 01 năm thì kết hôn như bà D trình bày. Hôn nhân tự nguyện và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới. Quá trình chung sống hạnh phúc, khoảng tháng 6/2020 bà D không còn ăn chung với ông nữa, vợ chồng vẫn sống chung một nhà, chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt, không nghiêm trọng nên bà D yêu cầu ly hôn ông không đồng ý.

* Về con chung, tài sản chung, nợ chung như bà D trình bày là đúng, ông không yêu cầu gì.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà D và ông T được ly hôn với nhau và buộc bà D phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bà D, ông T đều có đơn đề nghị vắng mặt, nên áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

2. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông T tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 22/02/1990; hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc gì nên quan hệ hôn nhân của bà D và ông T là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án cả bà D và ông T đều xác nhận vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng lại ăn riêng. Qua xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng bà D, ông T đã sống ly thân hơn 02 năm, đã tự phân chia tài sản với nhau xong, bà D cương quyết ly hôn nhưng ông T không đồng ý là vì sợ ảnh hưởng đến việc kinh doanh, làm ăn của ông. Mặc dù chung sống một nhà nhưng phần ai nấy lo, không ai quan tâm đến ai. Điều này cho thấy hôn nhân của bà D và ông T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 cần chấp nhận yêu cầu bà D, xử cho bà D và ông T được ly hôn với nhau.

[2.2] Về con chung: Các con đã trưởng T, không bị mất hay hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà D phải chịu án phí ly hôn, theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị D về việc “Ly hôn” với ông Nguyễn Xuân T, xử cho bà D và ông T được ly hôn với nhau.

2. Về án phí: Buộc bà D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0019849 ngày 01/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Bà D đã nộp xong).

3. Về quyền kháng cáo: Bà D, ông T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng ⁽²⁾
- VKS huyện Bảo Lâm;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- CC.THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã Lộc An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Linh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hà Lê Thị Sáu

Nguyễn Văn Linh